

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/DS-PT

Ngày 24 - 5 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Kim Em.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLPT-DS ngày 21/4/2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2022/QĐ-PT ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1975 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn VB, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Mộng Thùy T, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn VB, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn Linh V, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn VB, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn chị Trần Thị Mộng Thùy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Ngày 20/11/2015 chị T có đến cửa hàng vật liệu xây dựng Quốc Tuấn, Khu phố 5, thị trấn VB, huyện T mua vật liệu xây dựng. Chị T mua trả tiền một số, đến ngày 31/01/2016 hai bên tổng kết nợ thì chị T còn nợ lại 32.049.000 đồng, chị T hứa mỗi tháng trả 3.000.000 đồng. Sau đó chị T có trả được các lần tiền cụ thể:

- Ngày 14/4/2016 trả 3.000.000 đồng.
- Ngày 03/6/2016 trả 3.000.000 đồng.
- Ngày 02/8/2016 trả 2.000.000 đồng.
- Ngày 13/01/2017 trả 2.000.000 đồng.

Chị T còn nợ lại số tiền 20.049.000 đồng. Thời gian mấy tháng không thấy chị T trả tiền tiếp nên chị mới xuống nhà chị T lấy tiền thì chị T hứa cuối năm 2017 sẽ trả cho chị hết số tiền trên, chị T có viết biên nhận số tiền mà chị T đã thiếu. Hóa đơn bán hàng của chị in hai liên viết thẳng xuống tờ can dưới màu hồng có than sẵn chứ không cần in giấy than hóa đơn. Tờ biên nhận có 2.000.000 đồng chị T in thêm giấy than viết thêm số 2 không đúng nét chữ của người viết biên nhận là cháu ruột của chị tên là Lê Thị Kim H.

Nay chị yêu cầu chị Trần Thị Mộng Thùy T trả cho chị số tiền vốn 20.049.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Trần Thị Mộng Thùy T trình bày:

Chị có mua vật liệu xây dựng của chị M từ cuối năm 2015; chị đặt cọc trước 70.000.000 đồng. Đến cuối năm 2015, chị M bắt đầu giao vật liệu xây dựng cho chị, chị xây nhà đến khoảng tháng 3/2016 thì xong. Tháng 02/2016 thì chị M có kết phiếu chị còn nợ lại 47.549.000 đồng, chị có trả bớt 15.500.000 đồng, còn lại 32.049.000 đồng, chị có thỏa thuận trả dần cho chị M. Ngày 14/4 trả 3.000.000 đồng (H nhận), ngày 03/6 trả 3.000.000 đồng (H nhận), ngày 02/8/16 trả 2.000.000 đồng (Hòa nhận), ngày 25/9/16 trả 2.000.000 đồng (Hòa nhận), ngày 13/1/17 trả 22.000.000 đồng (H nhận). Số tiền 49.000 đồng chị có nói chị H là bớt cho cô T, chị H nói không biết Bầy con có chịu bớt không, chị nói nếu Bầy con không bớt thì đi chợ gặp cô T trả.

Nay chị không còn nợ tiền chị M nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị M. Biên nhận viết giấy tập số tiền 20.049.000 đồng hứa ngày 21/7/2017 đến ngày 21/01/2018 trả đủ tiền là chị viết vì con chị M và hai thanh niên ép chị viết chứ chị không có nợ tiền chị M.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kim H trình bày:

Chị là nhân viên bán hàng của cửa hàng vật liệu xây dựng Quốc Tuấn. Chị Trần Thị Mộng Thùy T có mua vật liệu tại cửa hàng. Chị T trình bày có trả tiền

cho chị toàn bộ số tiền mua vật liệu xây dựng là không đúng. Theo phiếu đặt hàng chốt nợ ngày 31/01/2016 chị T còn nợ lại số tiền 32.049.000 đồng, sau đó chị T có trả tiền thông qua chị cụ thể: ngày 14/4 trả 3.000.000 đồng, ngày 03/6/2016 trả 3.000.000 đồng, ngày 13/01/2017 trả 2.000.000 đồng; Ngày 2/8/2016 trả 2.000.000 đồng, ngày 25/9/2016 trả 2.000.000 đồng thông qua anh Nguyễn Hữu Hòa.

Chị T trình bày ngày 13/01/2017 trả số tiền 22.000.000 đồng là không đúng, chị T chỉ trả cho chị nhận số tiền 2.000.000 đồng, nên chị T còn nợ lại số tiền 20.049.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Linh V xin vắng mặt.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M.

Buộc chị Trần Thị Mộng Thùy T có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị M số tiền 20.049.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Trần Thị Mộng Thùy T không trả số tiền trên thì hàng tháng chị T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị Mộng Thùy T phải chịu 1.002.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Lê Thị M 501.225 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 39969 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 07/02/2022, bị đơn chị Trần Thị Mộng Thùy T có đơn kháng cáo yêu cầu: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 20.000.000 đồng; nếu chị M không đồng ý bớt cho chị số tiền 49.000 đồng thì chị đồng ý trả.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Chị Trần Thị Mộng Thùy T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Chị Lê Thị M, chị Lê Thị Kim H và anh Nguyễn Văn Linh V có đơn xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Chị T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kim H, anh Nguyễn Văn Linh V vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Mộng Thùy T; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Lê Thị M và chị Trần Thị Mộng Thùy T thống nhất: Đến ngày 31/01/2016 hai bên tổng kết nợ thì chị T còn nợ chị M số tiền 32.049.000 đồng và chị T đã có trả dần tiền cho chị M gồm:

- Ngày 14/4/2016 trả 3.000.000 đồng.
- Ngày 03/6/2016 trả 3.000.000 đồng.
- Ngày 02/8/2016 trả 2.000.000 đồng.
- Ngày 25/9/2016 trả 2.000.000 đồng.

Chị M xác định: Ngày 13/01/2017 chị T trả 2.000.000 đồng, nên còn nợ lại 20.049.000 đồng và đến nay chị T không trả thêm khoản tiền nào nữa. Chị M cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính Hóa đơn ngày 13/01/2017 (Bút lục 41) và Biên nhận (Bút lục 148) được viết trong quyển tập thể hiện chị T còn nợ số tiền 20.049.000 đồng hẹn ngày 21/7/2017 đến ngày 21/01/2018 trả đủ tiền.

Chị T cho rằng không còn nợ tiền chị M, nếu chị M đòi số tiền 49.000 đồng thì chị đồng ý trả (Bút lục 192). Chị T cung cấp chứng cứ chứng minh là Phiếu đặt hàng bản in ngày 13/01/2017 (Bút lục 55) thể hiện chị T đã trả số tiền 22.000.000 đồng. Chị M không thừa nhận chứng cứ này. Chị Lê Thị Kim H xác định: Ngày 13/01/2017 chị T chỉ trả cho chị số tiền 2.000.000 đồng (Bút lục 18); chị là người trực tiếp viết hóa đơn này, chị T ghi thêm số 2 vào hóa đơn, không phải là nét chữ của chị viết (Bút lục 17). Chị T không cung cấp được bản chính Phiếu đặt hàng ngày 13/01/2017; cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám

định chữ viết đối với Phiếu đặt hàng bản in ngày 13/01/2017 nội dung "Trả tiền gạch Quốc Tuấn 22.000.000 đồng" mà chị T đã cung cấp cho Tòa án.

Đối với Biên nhận trong quyển tập (Bút lục 148): Chị T thừa nhận chữ viết và chữ ký trong Biên nhận là của chị T; nhưng chị T cho rằng do bị con trai của chị M là anh Nguyễn Văn Linh V có hành vi ép buộc, đe dọa buộc chị phải viết biên nhận này; chị đã gửi đơn tố cáo, tố giác tội phạm đến Công an huyện T. Theo các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T cung cấp (Bút lục 81 đến 136) thể hiện: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không khởi tố vụ án hình sự đối với tố giác về tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" xảy ra khoảng tháng 01/2017 tại thị trấn VB, huyện T, tỉnh Tiền Giang (Bút lục 134) với lý do hành vi không cấu thành tội phạm.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị T là không có cơ sở để chấp nhận. Án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Mộng Thùy T không được chấp nhận nên phải chị T chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Mộng Thùy T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M.

Buộc chị Trần Thị Mộng Thùy T có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị M số tiền 20.049.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị Mộng Thùy T không trả số tiền trên thì hàng tháng chị T phải trả lãi tương ứng

với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Mộng Thùy T phải chịu 1.002.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Lê Thị M 501.225 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 39969 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Trần Thị Mộng Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005949 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện T;
 - CCTHADS huyện T;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2022-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung